

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LỢI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST

Ngày 20 - 01- 2025

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Lan Chi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Sáu

Ông Đào Văn Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thúy Hằng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Lào, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 268/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị **Lâm Thị Thu B**, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp N, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (*có đơn yêu cầu vắng mặt*).

- Bị đơn: anh **Nguyễn Văn B1**, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp N, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (*có đơn yêu cầu vắng mặt*).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Ngân hàng C**. Địa chỉ: Số A, L, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông **Dương Quyết T** – Tổng Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Bà **Phạm Ánh N** – Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C. Địa chỉ liên lạc: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Ánh N: Bà **Đông Thị Anh T1**, chức vụ Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện C, tỉnh Bạc Liêu (*có đơn yêu cầu vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 11 năm 2024 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Lâm Thị Thu B trình bày: Chị B và anh B1 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000, không có đăng ký kết hôn. Con chung: Có 02 người con chung là cháu Nguyễn Lâm T2, sinh ngày 29/01/2004, cháu Nguyễn K, sinh ngày 27/10/2007; Hiện nay cháu T2 đã trưởng thành có gia đình riêng, riêng cháu K đang sống cùng anh B1.

Quá trình chung sống chị B và anh B1 có nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, thường xuyên cự cãi, đã ly thân gần 02 năm nay. Vợ chồng đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không thành. Nay chị B yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị B với anh B1. Về con chung: Chị B tự nguyện giao cháu K cho anh B1 nuôi dạy, chị Ba K1 phải cấp dưỡng. Tài sản chung không có, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bị đơn anh Nguyễn Văn B1 trình bày: Anh B1 thống nhất với lời trình bày của chị B về thời gian tự nguyện chung sống, không đăng ký kết hôn; về con chung có 02 người con chung là cháu Nguyễn Lâm T2, sinh ngày 29/01/2004, cháu Nguyễn K, sinh ngày 27/10/2007; Hiện nay cháu T2 đã trưởng thành có gia đình riêng, riêng cháu K đang sống cùng anh B1.

Quá trình chung sống chị B và anh B1 có nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, thường xuyên cự cãi, đã ly thân gần 02 năm nay. Nay chị B yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng, anh B1 đồng ý. Về con chung, nếu cháu K có nguyện vọng sống với anh B1 thì anh B1 đồng ý và không yêu cầu chị B cấp dưỡng. Tài sản chung không có, nợ chung đã thỏa thuận xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C – phòng giao dịch huyện C là bà Đồng Thị Anh T1 trình bày: Trước đây, ông B1 có vay Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 30.000.000 đồng, người thừa kế là bà B, sau đó ông B1 thanh toán được số tiền 1.600.000 đồng, còn nợ 28.400.000 đồng. Sau đó, ông B1 đã tắt toán nợ cho Ngân hàng. Đến tháng 11/2024 ông B1 có vay lại số tiền 40.000.000 đồng. Phần nợ này ông B1 mới vay, chưa đến hạn. Do đó, Ngân hàng không yêu cầu ông B1 trả số nợ trên, Ngân hàng cũng không đặt ra trách nhiệm trả nợ đối với bà B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố chị Lâm Thị Thu B và anh Nguyễn Văn B1 không phải là vợ chồng; về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử

giao cháu Nguyễn K, sinh ngày 27/10/2007 cho anh B1 tiếp tục nuôi dạy, chăm sóc, giáo dục; riêng cháu Nguyễn Lâm T2, sinh năm 2004 đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết. Chị Ba K1 phải cấp dưỡng cho cháu K do anh B1 không yêu cầu. Tài sản chung, nợ chung không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị B đối với anh B1 về việc chia khoản nợ 28.400.000 đồng của Ngân hàng C. Do chị B có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, đồng thời bị đơn anh B1 và phía đại diện Ngân hàng chính sách xã hội huyện C không yêu cầu chị B và anh B1 trả nợ nên không đặt ra xem xét

Chị Ba phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lâm Thị Thu B nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Nguyễn Văn B1; hiện anh B1 đang cư trú tại ấp N, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngoài ra, quá trình làm việc, chị B, anh B1 và người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng chính sách xã hội huyện C là bà Đồng Thị Anh T1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị B, anh B1 và bà T1.

[2] Về hôn nhân: Vào khoảng năm 2000, chị B và anh B1 tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng và không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, là hôn nhân không hợp pháp. Chị B cho rằng, trong quá trình chung sống, chị B với anh B1 có nhiều mâu thuẫn và mâu thuẫn này không thể hàn gắn, chị B và anh B1 đã không sống chung gần 02 năm nay nên chị B yêu cầu Tòa án tuyên bố chị B và anh B1 không phải là vợ chồng. Phía anh B1 cũng đồng ý theo yêu cầu chị B. Xét thấy, do chị B và anh B1 chung sống như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn, theo quy định khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản... được giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình”*. Do vậy, Tòa án không công nhận chị B và anh B1 là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị B và anh B1 thống nhất anh chị có hai người con chung là cháu Nguyễn Lâm T2, sinh ngày 29/01/2004, cháu Nguyễn K, sinh ngày 27/10/2007; Hiện nay cháu T2 đã trưởng thành có gia đình riêng, riêng cháu K đang sống cùng anh B1. Do cháu T2 đã trưởng thành, phát triển bình thường và anh B1, chị Ba K1 yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Riêng cháu K, theo đơn khởi kiện, chị B xác định chị tự nguyện giao cháu K cho anh B1 tiếp tục nuôi dạy. Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến cháu K, cháu xác định có nguyện vọng sống với anh B1. Để đảm bảo sự ổn định, sinh hoạt của cháu K và căn cứ

vào nguyện vọng cháu K, Hội đồng xét xử cần giao cháu K cho anh B1 tiếp tục nuôi dạy, chăm sóc, giáo dục. Chị Ba K1 trực tiếp nuôi cháu K, có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Anh B1 không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi cháu K nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị B và anh B1 thống nhất xác định chị B và anh B1 không có tạo lập tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Đơn khởi kiện, chị B yêu cầu chia khoản nợ 28.400.000 đồng của Ngân hàng chính sách xã hội huyện C, tỉnh Bạc Liêu đối với anh B1. Quá trình làm việc, chị B, anh B1 và đại diện Ngân hàng chính sách xã hội huyện C đã tự thỏa thuận với nhau về khoản nợ này. Cả chị B, anh B1 và đại diện Ngân hàng đều không yêu cầu đối với khoản nợ này, đồng thời, chị B đã có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia số nợ đối với Ngân hàng chính sách. Hội đồng xét xử xét thấy việc chị B rút đơn là tự nguyện, không ai tranh chấp từ đó cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị B đối với anh B1 về việc chia khoản nợ 28.400.000 đồng của Ngân hàng chính sách xã hội huyện C. Anh B1, chị B và Ngân hàng C được quyền khởi kiện ở vụ án khác khi có yêu cầu.

[6] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình chị Ba phải nộp 300.000 đồng, chị B đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.010.000 đồng theo Biên lai thu số 0004463 ngày 28/11/2024, đối trừ số tiền án phí, chị B được hoàn lại số tiền 690.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi.

[7] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 217, 219, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Lâm Thị Thu B và anh Nguyễn Văn B1 là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn K, sinh ngày 27/10/2007 cho anh B1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dạy, giáo dục. Chị Ba K1 trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Chị Ba K1 phải cấp dưỡng nuôi cháu K do anh B1 không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị Lâm Thị Thu B và anh Nguyễn Văn B1 xác định không có tài sản chung và không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Chấp nhận yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị Thu B đối với ông Nguyễn Văn B1 về việc yêu cầu chia số nợ 28.400.000 đồng của Ngân hàng chính sách xã hội huyện C, tỉnh Bạc Liêu.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị Thu B đối với anh Nguyễn Văn B1 về việc yêu cầu chia số nợ 28.400.000 đồng của Ngân hàng chính sách xã hội huyện C, tỉnh Bạc Liêu.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Lâm Thị T3 Ba phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), chị B đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.010.000 đồng (một triệu không trăm mười nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0004463 ngày 28/11/2024, đối trừ số tiền án phí, chị B được hoàn lại số tiền 710.000 đồng (Bảy trăm mười nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.